

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05-3-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Hoàng; ông Lê Văn Ký

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh- Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
khu vực 6 - Thanh Hóa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử TAND khu vực 6 - Thanh
Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 219/2025/TLST-HNGĐ
ngày 01 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 01
năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày
13/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị [Nguyễn Thị Minh M](#) - sinh năm 1990

CCCD số 038190036734

Cư trú tại: [Tổ dân phố X, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#) (có mặt).

Bị đơn: Anh [Lại Văn N](#), sinh năm 1992

CCCD số 038092013418

Cư trú tại: [Tổ dân phố X, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt không có lý
do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2025 và bản tự khai, nguyên đơn chị [Nguyễn
Thị Minh M](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh [Lại Văn N](#) kết hôn năm 2018, tại [UBND xã H, thị
xã B, tỉnh Thanh Hóa \(nay là phường B, tỉnh Thanh Hóa\)](#). Vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và không có tiếng nói chung trong gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Lai Văn N](#).

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là [Lai Thị Kiều T](#) (nữ), sinh ngày 27/4/2020. Nếu ly hôn chị [M](#) xin được nuôi dưỡng cháu [Kiều T](#) và không yêu cầu anh [N](#) cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập nhiều lần và đã ra thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh [Lai Văn N](#) không có mặt, không thể hiện quan điểm về việc khởi kiện của chị [Nguyễn Thị Minh M](#). Vì vậy, ngày 23/01/2026 chị [M](#) có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Nên ngày 29/01/2026 TAND khu vực 6- Thanh Hoá đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 07/01/2026 bà [Nguyễn Thị M1](#) (mẹ đẻ anh [Lai Văn N](#)) cho biết: Vợ chồng anh [Lai Văn N](#) và chị [Nguyễn Thị Minh M](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng đăng ký kết hôn năm 2018. Trong thời gian chung sống bà không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, sau đó đến năm 2024 chị [M](#) xin về nhà mẹ đẻ ở (ở [chợ R, tổ dân phố A, phường B](#)) cho gần chỗ đi làm. Đến khi anh [N](#) đi xuất khẩu lao động ở Philippines về (năm 2024) anh [N](#) và bà [M1](#) có gọi chị [M](#) về nhà ở nhưng chị [M](#) không về, chị [M](#) bảo anh [N](#) chơi bời nên chị không về nhà chồng. Nay chị [M](#) làm đơn ly hôn anh [N](#), bà không có ý kiến vì anh chị đã lớn tự quyết định.

Anh [N](#) đã nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Toà án tổng đạt. Tuy nhiên, vì con bà đi làm bận rộn, không đến Toà án được anh [N](#) có quan điểm nếu chị [M](#) làm đơn ly hôn thì tùy chị [M](#), anh [N](#) không giữ, chứ quan điểm của anh [N](#) là không bỏ vợ con.

Tại biên bản xác minh ngày 15/01/2026 ông [Trần Thanh H](#) cho biết: Vợ chồng chị [Nguyễn Thị Minh M](#) và anh [Lai Văn N](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, vợ chồng đăng ký kết hôn năm 2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì anh [N](#) ham chơi, không chăm lo cho vợ con, không tu chí làm ăn nên vợ chồng không có hạnh phúc. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu [Lai Thị Kiều T](#), sinh năm 2020. Hiện nay chị [M](#) và cháu [T](#) đã về nhà mẹ đẻ ở [khu C, B](#) ở. Nay chị [M](#) làm đơn ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Minh M](#) có mặt, anh [Lai Văn N](#) vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và

khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt anh [Lai Văn N](#).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Nguyễn Thị Minh M](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Nguyễn Thị Minh M](#) ly hôn anh [Lai Văn N](#)

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Lai Thị Kiều T](#) (nữ), sinh ngày 27/4/2020 cho chị [Nguyễn Thị Minh M](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. Anh [N](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị [M](#) không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu nên đề nghị HĐXX miễn xét.

* Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đề nghị buộc chị [Nguyễn Thị Minh M](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị [Nguyễn Thị Minh M](#) khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6 - Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Lai Văn N](#). Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn cư trú tại [phường B, tỉnh Thanh Hóa](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Anh [Lai Văn N](#) vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh [N](#) theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị Minh M](#) và anh [Lai Văn N](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, thị xã B \(nay là phường B\) tỉnh Thanh Hóa](#) như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị [M](#) vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không ai nhường nhịn ai, vợ chồng đã ly thân hơn 1 năm nay không ai quan tâm đến ai.

HĐXX thấy, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị [M](#) và anh [N](#) luôn xảy ra mâu thuẫn, chị [M](#) đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở [tổ dân phố A, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#) ở và hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị [M](#) được ly hôn với anh [N](#) là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là [Lai Thị Kiều T](#) (nữ), sinh ngày 27/4/2020. Chị [M](#) có nguyện vọng xin được nuôi cháu [T](#) và không yêu cầu anh [N](#) cấp dưỡng nuôi con chung. Anh [N](#) không đến Tòa làm việc, không thể hiện quan điểm của anh về việc anh xin nuôi con. HĐXX thấy: Chị [M](#) có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu [T](#) vì hiện nay cháu [T](#) đang còn nhỏ. Nên để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu, tạo điều kiện cho cháu ổn định về tinh thần và cháu [T](#) cần có bàn tay chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ nên chấp nhận yêu cầu của chị [M](#), giao cháu [T](#) cho chị [M](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động, anh [N](#) không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị [M](#) không yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị [Nguyễn Thị Minh M](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

** Căn cứ:*

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1. 1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

** Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị [Nguyễn Thị Minh M](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Nguyễn Thị Minh M](#) được ly hôn với anh [Lai Văn N](#)

- Về con cái: Giao cháu [Lai Thị Kiều T](#) (giới tính: nữ), sinh ngày 27/4/2020 cho chị [Nguyễn Thị Minh M](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. Anh [Lai Văn N](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [M](#).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị [Nguyễn Thị Minh M](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị [M](#) đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 01/12/2025 theo biên lai thu số: 0003621. Như vậy, chị [Nguyễn Thị Minh M](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị [Nguyễn Thị Minh M](#), vắng mặt anh [Lai Văn N](#).

Chị [Nguyễn Thị Minh M](#) có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/3/2026), anh [Lai Văn N](#) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Bửu Sơn, tỉnh Thanh Hoá (ĐK 11/10/2018);

- *Lưu*

TỔNG THỊ HÀ

hồ

sơ

vụ

án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**